

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Anh T – Sinh năm 1964.

2. Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: đường T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Lê Anh T, bà Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1989 tại UBND phường N, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm, cách sống luôn trái ngược nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến không khí trong gia đình luôn nặng nề, căng thẳng. Mặc dù đã được hai bên gia đình, cũng như phổ hòa giải, khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, kể từ cuối năm 2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay ông, bà xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của ông, bà là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của ông T bà H.

[2] Về con chung: Ông Lê Anh T, bà Nguyễn Thị H thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Lê Anh T – sinh năm 1989 và Lê Thị Hải Y – sinh năm 1998. Nay đều đã thành niên nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về Lệ phí: Hai bên thỏa thuận ông Lê Anh T chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Công nhận cháu Lê Anh T – sinh năm 1989 và Lê Thị Hải Y – sinh năm 1998 là con chung của ông Lê Anh T, bà Nguyễn Thị H. Nay các cháu đã thành niên nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Anh T phải nộp 300.000đ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ anh đã nộp theo biên lai thu số 0001469 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP;
- UBND phường N, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trương Thị Quỳnh